

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 279/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: Số 130 P, Quận P, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung H - Chức vụ: Nhân viên Phòng Phát triển Kinh doanh, chi nhánh G, Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: Số 01 P, phường T, thành phố P, tỉnh G.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T và bà Vương Thị T; địa chỉ: Làng Ô, xã I, huyện I, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ.

Ông Nguyễn Quang T và bà Vương Thị T thừa nhận, tính đến ngày hòa giải (13/4/2022), ông T và bà T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền là 449.989.315 đồng (*bốn trăm bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi chín ngàn ba trăm mười lăm đồng*). Trong đó, nợ gốc là 320.000.000 đồng (*ba trăm hai mươi triệu đồng*), lãi trong hạn là 16.900.000 đồng (*mười sáu triệu*

chín trăm ngàn đồng), lãi quá hạn là 113.089.315 đồng (*một trăm mười ba triệu không trăm tám mươi chín ngàn ba trăm mười lăm đồng*).

2.2. Về phương thức và thời hạn trả nợ:

Ông Nguyễn Quang T và bà Vương Thị T cam kết trả toàn bộ số tiền 449.989.315 đồng (*bốn trăm bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi chín ngàn ba trăm mười lăm đồng*). Thời hạn trả chậm nhất đến hết ngày 13/7/2022.

Ông Nguyễn Quang T và bà Vương Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày hòa giải (13/4/2022) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Nguyễn Quang T và bà Vương Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số N0040/TC18 ngày 12/01/2018.

Tài sản thế chấp là đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 08 tại xã Ia Grăng, huyện I, tỉnh G được Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 583682 ngày 02/3/2009.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Quang T và bà Vương Thị T đồng ý chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với số tiền là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) nên ông T, bà T phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang T và bà Vương Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 10.999.786 đồng (*mười triệu chín trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi sáu đồng*). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền đã tạm ứng án phí trước đây là 10.596.586 đồng (*mười triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008415 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Vũ